

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày: 09/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Trình;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Ông Nguyễn Ngọc Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Đức Xiêm;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên toà:

Bà Chủ Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2018, tại Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 18/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh ngày: 10/10/1988 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu 5, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ;

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Bố đẻ: Lê Xuân B; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T;

Anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ hai;

Vợ, con: Chưa có;

- Tiền án: Có 02 tiền án

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2006/HSST ngày 26/4/2006 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số

04/2005/HSST ngày 30/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc Lê Văn C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 tháng tù.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2009/HSST ngày 26/02/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo C 07 năm 06 tháng tù về tội: “Cướp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt, trở về địa phương ngày 03/01/2016.

- Tiền sự: Không;

- Nhân thân:

Ngày 30/12/2005, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xử 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 11/4/2006, C nộp xong án phí hình sự sơ thẩm 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2017 đến ngày 10/01/2018. Ngày 10/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao ra Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 11/01/2018. Ngày 19/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo. Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương.

(có mặt)

* Người bị hại: Anh Lê Thế Đ, sinh năm: 1984;

Trú tại: Khu 10, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm: 1982;

Trú tại: Khu 10, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

Bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1963;

Trú tại: Khu 5, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

Bà: Bùi Thị Đ, sinh năm: 1969;

Trú tại: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 11/8/2017, Lê Văn C một mình đi bộ đến quán sửa chữa xe máy của anh Lê Thế Đ ở khu 10, xã T, huyện L chơi. Khi đến nơi, C không thấy ai trông coi quán, C thấy trước cửa quán có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel, màu sơn xanh trắng, biển kiểm soát 19K4-5498, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khóa điện của xe; tại góc nhà bên trong quán có 01 chiếc máy hàn kim loại và 01 chiếc máy nạp ắc quy được xếp chồng lên nhau. C nảy sinh ý định trộm cắp các tài sản trên để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. C dùng tay bê 01 máy hàn kim loại và 01 máy nạp ắc quy đặt lên giá để hàng của xe mô tô biển kiểm soát: 19K4-5498, sau đó điều khiển xe mô tô ra đường Quốc lộ 2D. Khi đi qua quán bán hàng K (cách quán của anh Đ khoảng 50m), lúc này tại quán, anh Đ cùng với các anh Nguyễn Thành T (anh T là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát 19K4-5498, anh T gửi xe tại quán anh Đ để sửa chữa), anh Hoàng Bá N và anh Lê Tiến D đang ngồi uống nước nói chuyện với nhau. Anh Đ ngồi quay mặt nhìn ra đường, thấy C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát 19K4-5498 của anh T, chở sau xe 01 máy hàn kim loại và 01 máy nạp ắc quy giống máy tại quán của mình, nên nghi ngờ chạy về quán kiểm tra thì phát hiện tại quán sửa chữa xe của mình đã bị mất 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát 19K4-5498 của anh T, 01 máy hàn kim loại và 01 máy nạp ắc quy. Anh Đ nói với mọi người quán đã bị mất trộm. Sau đó, anh Đ và anh N điều khiển xe mô tô đuổi theo để tìm C. Sau khi trộm cắp được những tài sản trên, C mang đến điểm thu mua phế liệu, gặp bà Bùi Thị Đ và nói “có ít sắt muốn bán” và bán cho bà Đ 01 máy hàn và 01 máy nạp ắc quy. Bà Đ đồng ý mua và trả cho C 340.000đ (ba trăm bốn mươi nghìn đồng). C cầm tiền và điều khiển xe mô tô đi về hướng cầu Phong Châu. Khi đến đoạn đường gần chợ C, thuộc thị trấn L, huyện L thì thấy anh Đ điều khiển xe mô tô đuổi theo C; C điều khiển xe mô tô bỏ chạy sang địa phận huyện T. Anh Đ đuổi theo C nhưng không kịp, nên quay về. Số tiền 340.000đ (ba trăm bốn mươi nghìn đồng) C đã tiêu sài cá nhân hết. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, biết hành vi trộm cắp tài sản của mình bị phát hiện, C điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được về để tại nhà và kể lại sự việc trên cho bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của C) và trốn khỏi địa phương. Cùng ngày, bà T đã đến mua lại máy hàn kim loại và máy nạp ắc quy tại điểm thu mua phế liệu của bà Đ và giao nộp cho Công an huyện Lâm Thao 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát 19K4-5498; 01 máy hàn kim loại và 01 máy nạp ắc quy.

Ngày 21/8/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát: 19K4-5498, 01 máy hàn kim loại và 01 máy nạp ắc quy. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 45 ngày 22/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện L kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Angel, màu xanh trắng, biển kiểm soát: 19K4-5498 trị

giá: 1.000.000đ (một triệu đồng), 01 máy hàn kim loại và 01 máy nạp ắc quy có tổng trị giá 340.000đ (ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng giá trị thiệt hại là 1.340.000đ (một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngày 12/11/2017, Lê Văn C đầu thú tại Công an huyện Lâm Thao và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 12/11/2017 đến ngày 18/11/2017.

Ngày 17/11/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao ra Quyết định khởi tố bị can số 01 và Lệnh tạm giam số 01 đối với Lê Văn C, thời hạn tạm giam là 01 tháng 24 ngày, từ ngày 18/11/2017 đến ngày 10/01/2018 về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 10/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02/LCCT - VKSLT đối với Lê Văn C từ ngày 11/01/2018. Ngày 19/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 13/2018/LCĐKNCT - TA đối với bị cáo.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/8/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát 19K4-5498; 01 máy hàn kim loại và 01 máy nạp ắc quy cho anh Lê Thế Đ. Anh Đ đã nhận các tài sản nêu trên và không có yêu cầu gì. Anh Đ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho C. Anh Đ đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát 19K4-5498 cho anh Nguyễn Thành T; anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên kết luận: Kháng định bản cáo trạng số 05/CT - VKS ngày 17/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về phần hình sự: Bị cáo C đã phạm tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về vật chứng: Các tài sản thu được trong quá trình điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không còn vật chứng nào phải xử lý tại phiên tòa.

Về phần dân sự: Tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và họ không có ý kiến yêu cầu bồi thường gì nên không đặt vấn đề trách nhiệm hình sự.

Đề nghị xử lý:

Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với C do qua xác minh của Cơ quan điều tra C không có tài sản gì.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Vào khoảng 09 giờ ngày 11/8/2017, Lê Văn C đến quán sửa chữa xe máy của anh Lê Thế Đ, lợi dụng sự sơ hở của anh Đ và không có ai trông coi tài sản, C đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát 19K4-5498; 01 máy hàn kim loại và 01 máy nạp ắc quy của anh Đ; tổng giá trị thiệt hại là 1.340.000đ (một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Bị cáo C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; tuy tài sản mà bị cáo trộm cắp có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích, nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, như sau:

Điều 138. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả

ng nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Cũng quy định về tội “Trộm cắp tài sản”; Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018 tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định như sau:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm”.

Tuy nhiên, theo khoản 1, Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

“1. Điều luật được áp dụng đối với một hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện”.

Điều c, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 quy định:

“1. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng như sau:

a)...

c) Tội phạm mới quy định tại các Điều 147, 154, 167, 187, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 217a, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 230, 234, 238, 285, 291, 293, 294, 297, 301, 302, 336, 348, 388, 391, 393 và 418 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều luật bổ sung hành vi phạm tội mới, các điều luật quy định một hình phạt mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới; các điều luật quy định hạn chế phạm vi miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình

phạt, xóa án tích và các quy định khác không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích; trong trường hợp này, vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 để giải quyết;

....”.

Như vậy, căn cứ khoản 1, Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14, thì hành vi phạm tội của Lê Văn C được xử lý theo khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao là phù hợp pháp luật.

[2] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc loại tội ít nghiêm trọng. Tuy bị cáo đã có 02 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, nhưng đây là dấu hiệu định tội nên không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo đã tự nguyện cùng gia đình khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đó là bị cáo đầu thú.

Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình gây ra, lẽ ra bị cáo phải biết lấy đó là bài học cho bản thân để tự mình rèn luyện, cải tạo thành người có ích cho gia đình, xã hội, nhưng bị cáo vẫn coi thường dư luận, pháp luật. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo ngoài việc căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự; tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phân tích ở trên thì phải căn cứ vào nhân thân của bị cáo. Vì vậy, theo quy định của Khoản 1 - Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình, xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hiện bị cáo đang sống chung với bố mẹ đẻ, bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Xét thấy tài sản bị cáo trộm cắp là 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát 19K4-5498; 01 máy hàn kim loại và 01 máy nạp ắc quy. Người bị hại là anh Lê Thế Đ đã nhận các tài sản nêu trên và không có yêu cầu gì; đồng thời anh Đ đã trả lại chiếc xe mô tô bị trộm cắp nêu trên cho anh Nguyễn Thành T (anh T là chủ sở hữu chiếc xe); anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Do vậy không đặt ra trách nhiệm bồi thường đối với bị cáo. Việc anh Đ đã nhận lại tài sản trên do cơ quan Điều tra, Công an huyện Lâm Thao trả theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 22/8/2017 là phù hợp.

Đối với số tiền 340.000đ (ba trăm bốn mươi nghìn đồng) là tiền bà Nguyễn Thị T đã đến mua lại máy hàn kim loại và máy nạp ắc quy tại điểm thu mua phế liệu của bà Bùi Thị Đ và giao nộp cho Công an huyện Lâm Thao. Đến nay, bà T không đề nghị bị cáo C phải trả lại số tiền nêu trên và không có đề nghị gì khác nên không đặt ra trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với số tiền nêu trên là phù hợp.

Đối với bà Bùi Thị Đ, khi mua 01 máy hàn kim loại và 01 máy nạp ắc quy của bị cáo C, do không biết những tài sản này do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao không đề cập xử lý là phù hợp. Bà Đ đã nhận lại số tiền do bà T (mẹ đẻ của bị cáo) trả 340.000đ (ba trăm bốn mươi nghìn đồng) và không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[5] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung

năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 06 (sáu) tháng tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam là 02 tháng (từ ngày 12/11/2017 đến ngày 10/01/2018), bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Văn C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản sao bản án giao cho họ hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- Thi hành án DS huyện;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Trình